

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/4/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quang Khải**.

Bà **Lò Thị Thanh Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Châm**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST- HNGĐ ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị P**; sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT: Đội C n 2, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

Chỗ ở hiện nay: Bản H L, phường N B, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Khiếu Quang L**; sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Đội C n 2, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lường Thị P trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị P và anh Khiếu Quang L có đăng ký kết hôn tại UBND xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 16/01/2017, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng có hạnh phúc sau đó đến tháng 10/2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh L không tu chí

làm ăn, vay nợ bên ngoài nhiều, không có khả năng thanh toán, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Vợ chồng chị P, anh L đã sống ly thân từ khi có mâu thuẫn xảy ra, chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại phường N B, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, bản thân anh L đi đâu và làm gì chị cũng không biết. Vì vậy chị P khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khiếu Quang L.

2. Về con chung: Chị Lương Thị P và anh Khiếu Quang L có 01 con chung là cháu Khiếu Thanh S; sinh ngày 05/5/2017. Quan điểm của chị P sau ly hôn chị sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu Thanh S đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị P khai không có.

Ngày 19/01/2022, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Lương Thị P. Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 75/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Khiếu Quang L tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh L không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì anh L từ chối nhận, anh L không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng đội C n 2, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nơi anh L cư trú thì Trưởng đội C n 2, xã T X, cho biết anh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đội C n 2, xã T X, huyện Đ B nhưng hiện nay anh L đi đâu, làm gì chính quyền địa P không rõ chỉ thấy anh L đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại Đội C n 2, xã T X, huyện Đ B và UBND xã T X, huyện Đ B; Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này anh L cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại phiên tòa anh L vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 20/4/2022. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận

công khai chứng cứ và hòa giải lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Khiếu Quang L đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. chị Lường Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 19/01/2022 chị Lường Thị P nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đối với anh Khiếu Quang L có địa chỉ tại đội C n2, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Ngày 19/01/2022 chị P đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị P theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Lường Thị P và anh Khiếu Quang L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc anh L không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh L đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lường Thị P và anh Khiếu Quang L kết hôn năm 2017 tại UBND xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị P và anh L đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung. Theo chị P thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chính là do anh L không tu chí làm ăn, vay nợ bên ngoài nhiều, không có khả năng thanh toán, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn càng ngày càng đến đỉnh điểm. Năm 2020 vợ chồng chị đã sống ly thân, chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại phường N B, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị P xin được ly hôn với anh L. Tòa án đã thông báo cho anh L được biết, nhưng anh L từ chối nhận và anh L không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập anh L nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh L vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị P vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị P khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị P và anh Khiếu Quang L.

[2.2] Xét về con chung: Chị Lương Thị P có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là cháu Khiếu Thanh S; sinh ngày 05/5/2017. Xét thấy cháu Khiếu Thanh S còn nhỏ rất cần mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại anh L cũng thường xuyên vắng nhà, đi đâu làm gì gia đình cũng không ai biết, hiện tại chị P mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị P cung cấp cho Tòa án đã được Lãnh đạo đội C n 2, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên và UBND xã T X, huyện Đ B xác nhận thì vợ chồng chị P và anh L khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân anh chị đã sống ly thân, chị P đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ tại Bản H L, phường N B, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên sinh sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, bản thân anh L thường xuyên vắng nhà đi đâu và làm gì chị P và lãnh đạo đội cũng không biết, không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân

gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị P. Giao con chung cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh L có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị P.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị P khai không có, HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lương Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị P và anh Khiếu Quang L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Khiếu Thanh S; sinh ngày 05/5/2017 cho chị Lương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Thanh S thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Chị P không yêu cầu anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lường Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004887 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lường Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Khiếu Quang L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã T X, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

